

NGHỊ QUYẾT

**Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí
ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 3395/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 63/BC-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023

của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Định mức lập dự toán ngân sách nhà nước và chi quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định mức lập dự toán ngân sách nhà nước và chi quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Phụ lục kèm theo).

2. Những nội dung và mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Phân bổ dự toán, quản lý sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng chế độ quy định.

2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được cấp thẩm quyền giao, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học và công nghệ.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có huy động các nguồn tài chính khác ngoài ngân sách để thực hiện, việc phân bổ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ theo cơ cấu tỷ lệ với các nguồn kinh phí huy động khác ngoài ngân sách theo nhiệm vụ được phê duyệt và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 4. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh Bình Dương;
- Website, Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Tuần (4).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Lộc

Phụ lục
ĐỊNH MỨC LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CHI QUẢN LÝ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06 /2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

I. ĐỊNH MỨC LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ (DM_{CN}).

- Cấp tỉnh: 40.000.000 đồng/người/tháng

- Cấp cơ sở: 32.000.000 đồng/người/tháng

2. Định mức lập dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu.

a) Định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Định mức chi (đồng) | |
|----|--|-----------------|---------------------|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| 1 | Người chủ trì | Buổi | 2.000.000 | 1.600.000 |
| 2 | Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Buổi | 500.000 | 400.000 |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Báo cáo | 3.000.000 | 2.400.000 |
| 4 | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo | Báo cáo | 1.500.000 | 1.200.000 |
| 5 | Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Thành viên/buổi | 300.000 | 240.000 |

b) Các nội dung, mức chi khác thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước tại tỉnh Bình Dương.

3. Định mức lập dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

4. Định mức lập dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Định mức chi (đồng) | |
|----|--|----------------------------|---------------------|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| 1 | Chi họp Hội đồng | Nhiệm vụ | | |
| a | Chủ tịch Hội đồng | | 900.000 | 720.000 |
| b | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng | | 750.000 | 600.000 |
| c | Thư ký khoa học | | 150.000 | 120.000 |
| d | Thư ký hành chính | | 150.000 | 120.000 |
| đ | Đại biểu được mời tham dự | | 100.000 | 80.000 |
| 2 | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| a | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 350.000 | 280.000 |
| b | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 500.000 | 400.000 |

5. Định mức lập dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

II. ĐỊNH MỨC CHI QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Định mức chi (đồng) | |
|----------|--|----------------------------|---------------------|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| 1 | Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng | | |
| | Chủ tịch Hội đồng | | 1.500.000 | 1.200.000 |
| | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng | | 1.000.000 | 800.000 |
| | Thư ký khoa học | | 300.000 | 240.000 |
| | Thư ký hành chính | | 300.000 | 240.000 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 200.000 | 160.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 500.000 | 400.000 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 700.000 | 560.000 |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ | | |
| | Chủ tịch Hội đồng | | 700.000 | 560.000 |
| | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng | | 500.000 | 400.000 |
| 2 | Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng | | |

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Định mức chi (đồng) | |
|----------|---|--|---------------------|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| | Chủ tịch Hội đồng | | 1.800.000 | 1.440.000 |
| | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng | | 1.500.000 | 1.200.000 |
| | Thư ký khoa học | | 300.000 | 240.000 |
| | Thư ký hành chính | | 300.000 | 240.000 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 200.000 | 160.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá/01 hồ sơ | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 700.000 | 560.000 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 1.000.000 | 800.000 |
| 3 | Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ | | |
| | Chủ tịch Hội đồng | | 1.800.000 | 1.440.000 |
| | Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng | | 1.500.000 | 1.200.000 |
| | Thư ký khoa học | | 300.000 | 240.000 |
| | Thư ký hành chính | | 300.000 | 240.000 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 200.000 | 160.000 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | | 700.000 | 560.000 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 1.000.000 | 800.000 |
| 4 | Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng | Chuyên gia | 1.500.000 | 1.200.000 |

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định pháp luật về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Mục II của Phụ lục này.

2. Chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Định mức chi (đồng) | |
|----|---------------------------|-------------|---------------------|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| 1 | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 1.000.000 | 800.000 |
| 2 | Thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 700.000 | 560.000 |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 300.000 | 240.000 |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 200.000 | 160.000 |

3. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Mục II của Phụ lục này./.